

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HOA LƯ  
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 30/6/2020

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOA LƯ, TỈNH NINH BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Kim Oanh

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Phạm Đức Thọ

2. Ông Nguyễn Văn Khuyển

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đinh Huy Hiệp - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 154/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2019 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Đình P, sinh năm 1985; Trú tại: thôn Tr, xã T, huyện H, tỉnh Ninh Bình; Có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Bùi Thị L, sinh năm: 1982; Nơi ĐKKHKT và nơi cư trú cuối cùng: thôn Tr, xã T, huyện H, tỉnh Ninh Bình; Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 12 năm 2019, trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, nguyên đơn - anh Nguyễn Đình P trình bày:* Anh và chị Bùi Thị L tự nguyện kết hôn vào ngày 1/7/2011 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng trú tại thôn Tr, xã T. Chị L mở quán cà phê để kinh doanh, còn anh thì lao động tự do. Vợ chồng sống bình thường đến cuối năm 2013 thì xảy ra mâu thuẫn hay cãi chửi nhau. Nguyên nhân là do thu nhập của vợ chồng không đủ trang trải, chi tiêu dẫn đến chị L nghi ngờ anh có quan hệ với người phụ nữ khác, không mang tiền về nhà. Thời điểm này, chị L bán hàng ế ẩm, bản thân anh là lao động tự do nên thu nhập thất thường, lúc có, lúc không. Ngoài ra, việc chung sống với nhau đã lâu (có cả thời gian sống chung trước hôn nhân khoảng 2 năm) nhưng không có con nên cả hai vợ chồng đều chán nản. Tháng 7 năm 2014, chị L tự ý thu dọn hàng quán và bỏ đi nơi khác sinh sống mà không nói với anh và gia đình anh. Sau đó, chị L có về nói

với anh là đã lên Hà Nội làm và không về sống cùng với anh nữa. Hơn 5 năm qua, chị L chỉ về gặp anh và gia đình anh mỗi năm vài lần, mỗi lần một hoặc vài ngày rồi lại đi luôn. Từ năm 2019 đến nay, chị L không về nữa. Thỉnh thoảng vợ chồng có liên lạc qua điện thoại, anh có nói với chị L về việc nộp đơn xin ly hôn tại tòa án huyện Hoa Lư và nói chị L về giải quyết nhưng chị L nói không về và không cho anh biết địa chỉ cụ thể nơi chị L đang sinh sống. Anh thấy tình cảm vợ chồng không còn, thời gian ly thân đã lâu vì vậy anh đề nghị tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị L.

Giữa anh và chị L không có con chung, không có tài sản chung, công nợ chung nên không đề nghị tòa án giải quyết.

*Bị đơn - chị Bùi Thị L:* Trong quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã liên lạc với chị L qua điện thoại và tiến hành niêm yết, thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng các văn bản tố tụng của tòa án nhưng chị L không đến Tòa án để làm việc và không có quan điểm, ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*Quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư đã tiến hành xác minh tại địa phương xã T, huyện H, tỉnh Ninh Bình và tại xóm C, xã X, huyện L, tỉnh Hòa Bình, kết quả như sau:*

Đại diện gia đình anh P cho biết: Anh P, chị L chung sống với nhau từ năm 2009 đến năm 2011 thì kết hôn và chung sống tại thôn Tr, xã T. Sau kết hôn, anh P, chị L sống bình thường được khoảng 2 năm thì hay xảy ra cãi vã do chị L nghi ngờ anh P có quan hệ với người phụ nữ khác nên ít đưa tiền cho chị. Khoảng từ tháng 7 năm 2014 đến nay, chị L sống ở đâu gia đình anh P không biết, một năm vài lần chị L có về gia đình vài hôm. Năm 2019, chị L về một lần và năm 2020, chị L chưa về. Gia đình anh P đã cùng gia đình chị L đã khuyên bảo, hàn gắn cho vợ chồng anh P, chị L nhưng không có kết quả. Khi đề cập đến vấn đề ly hôn, chị L nói anh P muốn làm gì thì làm, chị không có ý kiến gì.

Đại diện chính quyền địa phương thôn Tr và xã T, huyện H cho biết: Anh Nguyễn Đình P và chị Bùi Thị L là vợ chồng (kết hôn năm 2014). Sau khi kết hôn khoảng 3 năm thì chị L không sống cùng anh P tại địa phương nữa. Chị L đi đâu, làm gì không báo với chính quyền địa phương. Mỗi năm, chị L chỉ về nhà bố mẹ đẻ anh P vài lần, mỗi lần khoảng vài ngày. Năm nay chưa thấy chị L về địa phương. Anh P, chị L chưa có con chung.

Đại diện gia đình chị L cho biết: Sau khi kết hôn, anh P, chị L sống cùng nhau tại quê nhà của anh P. Quá trình chung sống giữa anh P, chị L xảy ra mâu thuẫn như thế nào gia đình không biết. Khoảng 5 năm trở lại đây, chị L đi làm ở Hà Nội, không sống chung cùng anh P. Gia đình không biết địa chỉ của chị L và không có cách nào liên lạc với chị L. Đợt tết nguyên đán (đầu năm 2020), chị L có về ăn tết cùng gia đình. Anh P, chị L chưa có con chung.

Đại diện chính quyền thôn C, xã X, huyện L, tỉnh Hòa Bình cho biết: Chị L không có đăng ký hộ khẩu tại địa phương, không thường xuyên về địa

phương, thỉnh thoảng về nhà mẹ đẻ xong lại đi luôn. Chính quyền địa phương không biết chị L làm ăn, sinh sống ở đâu.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử (HĐXX) đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn thực hiện đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn không có quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không đến tòa án làm việc mặc dù đã được triệu tập, thông báo hợp lệ nhiều lần. Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 19, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xử cho anh P ly hôn chị L. Anh P phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] Chị L đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Tr, xã T, huyện H, tỉnh Ninh Bình nhưng đã đi khỏi địa phương từ năm 2014 và không thông báo cho gia đình, chính quyền địa phương về nơi cư trú mới là thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ. Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư đã thụ lý vụ án và triệu tập, thông báo cho chị L nhiều lần theo quy định của pháp luật nhưng chị L vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị L.

[2] Quan hệ hôn nhân giữa anh P và chị L là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Căn cứ lời khai của anh P cũng như nội dung do tòa án xác minh, HĐXX nhận định trong quá trình chung sống, anh P, chị L thường xuyên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn với nhau do công việc làm ăn của anh P và chị L không ổn định, thu nhập thấp, không đảm bảo cuộc sống, chị L nghi ngờ anh P không chung thủy và hai vợ chồng chưa có con chung. Khi xảy ra mâu thuẫn, chị L tự ý bỏ đi, bỏ mặc, không quan tâm, chăm sóc anh P trong một thời gian dài và không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng khi được hai bên gia đình khuyên bảo. HĐXX xác định mâu thuẫn giữa anh P và chị L là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, cần chấp nhận yêu cầu của anh P về việc ly hôn với chị L áp theo quy định tại khoản 1 điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung, tài sản chung, công nợ chung: Anh P, chị L không có con chung, tài sản chung, công nợ chung và không có yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[4] Anh P phải nộp án phí ly hôn. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào Điều 19, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

**Xử:**

1. *Về hôn nhân:* Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Đình P và chị Bùi Thị L.

2. *Về án phí:* Anh Nguyễn Đình P phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2010/01071 ngày 18/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoa Lư. Anh P đã nộp đủ.

Anh P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện Hoa Lư;
- THADS huyện Hoa Lư;
- UBND xã T ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(đã ký)

**Vũ Thị Kim Oanh**